TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 112/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Thành Trung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 271/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2023 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 216/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Thùy D**, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Ông **Huỳnh Văn N,** sinh năm 1983;

Địa chỉ: Khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, Bản khai, Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Văn N kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/11/2016. Hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã. Bà và ông N đã sống ly thân từ ngày 31/5/2021 đến nay. Do đó,

nay bà xin được ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà và ông N không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông N không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông N không có, không yêu cầu giải quyết.

Do bận việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án "Ly hôn" giữa bà và ông N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của đương sự đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Thùy D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn với ông Huỳnh Văn N, ông N hiện cư trú tại khu phố B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà D vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà D và bị đơn ông N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà D và ông N tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 22/11/2016 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống thì theo bà D thì giữa bà và ông N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà và ông N bất đồng quan điểm, thường xuyên cải vã, ông bà đã sống ly thân từ ngày 31/5/2021 đến nay, nay bà xin được ly hôn với ông N. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã nhiều lần mời bà D và ông N đến Tòa án để tiến hành hòa giải nhằm để ông bà hàn gắn nhưng bà D xác định không còn tình cảm với ông N và kiên quyết xin ly hôn, ông N đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện ông N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà D.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà D và ông N đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Mặt khác, bà D và ông N đã sống ly thân trong một thời gian dài và đến nay cũng không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà D và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D, bà D được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung:

Bà D khai không có; ông N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Bà D khai không có; ông N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung:

Bà D khai không có; ông N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà D phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy D:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy D được ly hôn với ông Huỳnh Văn N.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có; ông Huỳnh Văn N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có; ông Huỳnh Văn N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy D khai không có; ông Huỳnh Văn N vắng mặt, không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Thùy D phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005903 ngày 08/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yến